

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01/2024/DS-ST**.

Ngày: 19/01/2024

V/v: “*Tranh chấp liên quan đến
yêu cầu tuyên bố văn bản công
chứng vô hiệu*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Trọng Vũ.

2/ Ông Dương Văn Na

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên
tòa:** Bà Phạm Linh Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2023 về việc “*Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:**

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937.

Địa chỉ: ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Vương Chánh H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: B, Nguyễn Thần H1, phường A, Quận D, thành phố Hồ Chí Minh

*** Bị đơn:**

Văn phòng C2.

Địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Kim C – Trưởng văn phòng công chứng. (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Khải N1, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: số F, ấp T, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong các đơn khởi kiện ngày 07/4/2023, đơn sửa chữa bổ sung ngày 04/7/2023, những lời trình bày tiếp theo và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vương Chánh H trình bày:

Bà Nguyễn Thị N là vợ ông Võ Văn T, bà N và ông T là quan hệ hôn nhân thực tế, có con đầu lòng là Võ Thị T1. Ông Võ Văn T được nhận số tiền 200.000.000đ từ giao dịch chuyển nhượng nhà đất của ông T tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, theo Quyết định thi hành án số 257/QĐ-THA ngày 16/11/2008 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, mà bà Võ Thị T1 là người phải thi hành.

Ông T mất ngày 13/8/2014 theo giấy chứng tử số 39/2014 của UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, nên bà N có đơn tự nguyện rút đơn yêu cầu thi hành án của ông T. Sau đó, bà N được biết bà Nguyễn Khải N2 có xuất trình Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 5061 của Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014 để thừa kế số tiền trên.

Việc công chứng Văn bản khai nhận di sản nêu trên làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà N, do bỏ sót hàng thừa kế không phụ thuộc vào di chúc. Do đó, bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tuyên bố vô hiệu Văn bản công chứng đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 5061 của Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014. Đình chỉ giải quyết việc thi hành án cho bà Nguyễn Khải N1 theo Biên bản giải quyết việc thi hành án do Chi C1 thi hành án thành phố T, tỉnh Bình Dương lập ngày 30/6/2015 đối với số tiền 200.000.000đ.

Theo Văn bản số 101/TB-VPCC ngày 27/7/2023 của bị đơn là Văn phòng C2 trình bày:

Theo nội dung Văn bản số 101/VPCC ngày 27/7/2023 của bị đơn Văn phòng C2 thể hiện qua kiểm tra hồ sơ lưu Văn bản khai nhận di sản thừa kế số công chứng: 5061, quyển số 05/2014 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/12/2014 Văn phòng C2 xác định hồ sơ lưu có đầy đủ các Giấy tờ theo quy định gồm: Tờ di chúc, Giấy chứng tử, Giấy chứng minh nhân dân + hộ khẩu + Bản án (thể hiện di

sản thừa kế); Trước khi tiến hành công chứng, Văn phòng C2 có thực hiện việc niêm yết công khai trong thời gian 15 (mười lăm) ngày tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (là nơi thường trú có thời hạn cuối cùng của người để lại di sản, có biên bản kết thúc thời gian niêm yết không có khiếu nại, tranh chấp) đúng theo quy định pháp luật. Ngoài ra căn cứ theo Điều 650 + 652 + 653 + 654 + 656 của Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 thì Tờ di chúc ngày 24/12/2012 của Ông Võ Văn T lập được xem là hợp pháp.

Trường hợp việc khai nhận di sản thừa kế có bỏ sót người thừa kế thì Văn phòng C2 yêu cầu không tuyên bố Văn bản khai nhận di sản thừa kế nêu trên vô hiệu mà kiến nghị người nhận di sản thừa kế thỏa thuận với người thừa kế bị bỏ sót để chia một phần di sản cho người thừa kế bị bỏ sót (căn cứ theo Điều 687 của Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11).

Chứng cứ: 01 bộ Hồ sơ Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nêu trên được sao lục từ hồ sơ lưu của Văn phòng C2.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Khải N1:*

Bà N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, không cung cấp bản tự khai, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, tuyên bố “Văn bản khai nhận di sản” được công chứng theo số 5061, quyển số 05/2014 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn Văn phòng C2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Khải N1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, không rõ lý do, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về phạm vi khởi kiện:* Bà N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: 1/ Tuyên vô hiệu Văn bản công chứng đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 5061 của Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014 2/ Đình chỉ giải quyết việc thi hành án cho bà Nguyễn Khải N1 theo Biên bản giải

quyết việc thi hành án do Chi C1 thi hành án thành phố T, tỉnh Bình Dương lập ngày 30/6/2015 đối với số tiền 200.000.000đ.

Nhận thấy, việc Đình chỉ giải quyết việc thi hành án đối với bà Nguyễn Khải N1 không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Tại Thông báo thụ lý số 165/2023/TB-TLVA ngày 04/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, chỉ thụ lý đối với yêu cầu: “*tuyên vô hiệu Văn bản công chứng đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế số 5061 của Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014*”, cho đến nay các bên cũng không có khiếu nại gì. Do đó, đối với yêu cầu của bà N, về việc đình chỉ giải quyết việc thi hành án đối với bà Nguyễn Khải N1, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành không thụ lý giải quyết, nên không xét đến.

[3] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Đây là vụ án tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn Văn phòng C2, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 11 Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] *Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

Bà Nguyễn Khải N1 có đến Văn phòng C2 yêu cầu công chứng văn bản khai nhận di sản thừa kế là số tiền 200.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Thủ Dầu Một thi hành Bản án 205/2008/DS-PT ngày 16/10/2008 của TAND tỉnh Bình Dương theo tờ di chúc ngày 24/12/2012 của ông Võ Văn T, theo đó VPCC tiến hành nhận hồ sơ, lập văn bản khai nhận di sản và tiến hành các thủ tục niêm yết tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre từ ngày 12/12/2014 đến hết ngày 27/12/2014. Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 12/12/2014 được xác nhận của Phòng C3 ngày 29/12/2014 số 5061, quyền số 05/2014 TP/CC-SCC/HĐGD.

Xét thấy: bà N và ông T, xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987, nên bà Nguyễn Thị N và ông Võ Minh T, được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Mặc dù, hồ sơ công chứng đối với Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 12/12/2014 đúng theo trình tự pháp luật, đúng về mặt hình thức theo quy định tại Điều 35, 36 Luật công chứng chứng thực. Tuy nhiên, tại thời điểm công chứng ông T có người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc là bà Nguyễn Thị N theo quy định tại Điều 669 Bộ luật dân sự 2005. Hồ sơ không thể hiện ý kiến của bà N về thỏa thuận phân chia đối với di sản thừa kế theo di chúc của ông T là không đúng theo quy định của Điều 49, 50 Luật công chứng năm 2006. Theo công văn số 2820/CCTHADS ngày 20/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hiện tại số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án

đang được Chi cục thực hiện gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Từ những căn cứ nêu trên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu tuyên bố “Văn bản khai nhận di sản” được công chứng theo số 5061, quyển số 05/2014 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014 vô hiệu là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc bị đơn là Văn phòng C2 phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, 35, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 669 Bộ luật dân sự 2005; Điều 35, 36, 49 và 50 Luật công chứng năm 2006;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 Quy định chi tiết về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đối với bị đơn Văn phòng C2 về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu.

2/ Tuyên bố “Văn bản khai nhận di sản thừa kế ngày 12/12/2014” được công chứng theo số 5061, quyển số 05/2014 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng C2 lập ngày 29/12/2014 vô hiệu.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí.
- Văn phòng C2 phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà N được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Văn phòng C2, bà Nguyễn Khải N1 được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu